BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 561 /QĐ-CĐCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-CĐCT ngày 10/09/2022 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2025-2026.

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng Khoa và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KH-01

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 561/QĐ-CĐCT, ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Tuần	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26
Ngày dương	03/09	08/09	15/09	22/09	29/09	06/10	13/10	20/10	27/10	03/11	10/11	17/11	24/11	01/12	08/12	15/12	22/12	29/12	05/01	12/01	19/01	26/01	02/02	09/02	16/02	23/02
Âm lịch																								22/12	29/12	07/01
	HỌC KỲ I									Dự trữ	THI	HỌC KỲ I									Dự trữ	THI		NGHỈ TẾT		

Tuần	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	T36	T37	T38	T39	T40	T41	T42	T43	T44	T45	T46	T47	T48	T49	T50	T51	T52
Ngày dương	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07	03/08	10/08	17/08	24/08
	HỌC KỲ II								Dự trữ	THI	HỌC KỲ II									Dự trữ	THI	HỌC KỲ HÈ				THI

Chú thích:

HỌC KỲ	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	HỌC	THI	NỘI DUNG KHÁC	GHI CHÚ
I - GĐ1	Các lớp CĐ khóa 47,48,49	Từ tuần 1 đến 9	Tuần 11	ĐKMH 8/2025	HCĐKMH tuần 1
I - GĐ2	Các lớp CĐ khóa 47,48,49	Từ tuần 12 đến 20	Tuần 22	ĐKMH HKII tuần 15	HCĐKMH tuần 12
Nghỉ tết âm lịch: Từ thứ 2 ngày 09/02/2026 (22/12 âm lịch) đến hết ngày chủ nhật 01/03/2026 (13/01 âm lịch)					
HK II	Các lớp CĐ khóa 47	Từ tuần 23 đến 51		TTTN & ĐA/KLTN	HCĐKMH tuần 23
II - GĐ1	Các lớp CĐ khóa 48,49	Từ tuần 23 đến 34	Tuần 36		HCĐKMH tuần 23
II - GĐ2	Các lớp CĐ khóa 48,49	Từ tuần 37 đến 45	Tuần 47	ĐKMH HK HÈ tuần 40	HCĐKMH tuần 37
HK HÈ	Các lớp CĐ khóa 48,49	Từ tuần 48 đến 51	Tuần 52	ĐKMH HKI (2027-2028) tuần 49	
HK HÈ	Các lớp CĐ khóa 48,49	Từ tuần 48 đến 51	Tuần 52	ĐKMH HKI (2027-2028) tuần 49	
HK HÈ	Các lớp CĐ khóa 47	Từ tuần 48 đến 52		XÉT TỐT NGHIỆP	

Lưu ý: *- Thứ 4 ngày 03/09/2025 bắt đầu năm học 2025 - 2026*

- Thứ 2 ngày 02/02/2026 bắt đầu học kỳ II năm học 2025 - 2026

- GĐ: Giai đoạn; ĐKMH: Đăng ký môn học; HCĐKMH: Hiệu chỉnh đăng ký môn học; TTTN: Thực tập tốt nghiệp; ĐA/KLTN: Đồ án, Khóa luận tốt nghiệp

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 47, 48, 49 NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 561/QĐ-CĐCT, ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh)

BẬC ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

HỌC KỲ	GIAI ĐOẠN	THÁNG	TUẦN	NGÀY
HỌC KỲ I	GIAI ĐOẠN 1	9	1	03/09
			2	08/09
			3	15/09
			4	22/09
			5	29/09
		10	6	06/10
			7	13/10
			8	20/10
			9	27/10
	GIAI ĐOẠN 2	11	10	03/11
			11	10/11
			12	17/11
			13	24/11
		12	14	01/12
			15	08/12
			16	15/12
			17	22/12
			18	29/12
		01/01/2026	19	05/01
			20	12/01
			21	19/01
			22	26/01
HỌC KỲ II	GIAI ĐOẠN 1	2	23	02/02
			24	09/02
			25	16/02
			26	23/02
		3	27	02/03
			28	09/03
			29	16/03
			30	23/03
			31	30/03
		4	32	06/04
			33	13/04
			34	20/04
			35	27/04
		5	36	04/05
			37	11/05
			38	18/05
			39	25/05
	GIAI ĐOẠN 2	6	40	01/06
			41	08/06
			42	15/06
			43	22/06
			44	29/06
		7	45	06/07
			46	13/07
			47	20/07
HK HÈ		8	48	27/07
			49	03/08
			50	10/08
			51	17/08
			52	24/08

STT	BẬC ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
1	CĐ CNKT CƠ KHÍ 23 A, B, C, D, E, F, G
2	CĐ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY 23 A, B
3	CĐ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP 23 A, B, C, D, E
4	CĐ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP 23 A
5	CĐ DA GIÀY 23 A
6	CĐ KẾ TOÁN 23 A, B, C, D, E, F, G, H
7	CĐ CNTT 23 A, B, C, D, E, F, G
8	CĐ QTKD 23 A, B, C, D, E, F, G, H, I
9	CĐ MAY 23 A, B, C
10	CĐ CNKT CƠ ĐIỆN TỬ 23 A, B
11	CĐ CNKT ĐK & TỰ ĐỘNG HOÁ 23 A, B
12	CĐ CNKT ÔTÔ 23 A, B, C, D, E, F, G, H, I, J
13	CĐ CNKT NHIỆT 23 A, B, C
14	CĐ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG 23 A, B, C
15	CĐ QTKD XNK 23 A, B, C, D
16	CĐ CN THỰC PHẨM 23 A, B, C, D, E
17	CĐ TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH 23 A, B
18	CĐ ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG 23 A
19	CĐ TIẾNG ANH 23 A, B, C, D, E, F
20	CĐ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN 23 A, B, C
21	CĐ QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG 23 A, B, C
22	CĐ THIẾT KẾ THỜI TRANG 23 A
23	CĐ LOGISTICS 23 A, B
24	CĐ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 23 A, B
25	CĐ CNKT CƠ KHÍ 24 A, B, C, D, E
26	CĐ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY 24 A, B, C
27	CĐ CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ 24 A, B, C
28	CĐ DA GIÀY 24 A
29	CĐ KẾ TOÁN 24 A, B, C, D, E, F
30	CĐ CNTT 24 A, B, C, D, E, F, G
31	CĐ QTKD 24 A, B, C, D, E, F, G
32	CĐ MAY 24 A, B
33	CĐ CNKT CƠ ĐIỆN TỬ 24 A, B
34	CĐ CNKT ĐK & TỰ ĐỘNG HOÁ 24 A, B
35	CĐ CNKT ÔTÔ 24 A, B, C, D, E, F, G, H
36	CĐ CNKT NHIỆT 24 A, B
37	CĐ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG 24 A, B, C
38	CĐ CN THỰC PHẨM 24 A, B, C, D
39	CĐ TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH 24 A
40	CĐ ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG 24 A
41	CĐ TIẾNG ANH 24 A, B, C
42	CĐ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN 24 A, B, C
43	CĐ QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG 24 A, B, C
44	CĐ THIẾT KẾ THỜI TRANG 24 A
45	CĐ LOGISTICS 24 A, B
46	CĐ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 24 A, B
47	CĐ KINH DOANH XNK 24 A, B
48	CĐ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP 24 A, B
49	CĐ KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐHKK A
50	CĐ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 24 A
51	CĐ TIẾNG HÀN QUỐC 24 A
52	CĐ CNKT CƠ KHÍ 25 A, B, C, D, E, F, G
53	CĐ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY 25 A, B, C, D
54	CĐ CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ 25 A, B, C, D
55	CĐ CÔNG NGHỆ DA GIÀY 25 A
56	CĐ KẾ TOÁN 25 A, B, C, D, E
57	CĐ CNTT 25 A, B, C, D, E, F
58	CĐ QTKD 25 A, B, C, D, E, F, G, H, I
59	CĐ CÔNG NGHỆ MAY 25 A, B
60	CĐ CNKT CƠ ĐIỆN TỬ 25 A, B, C
61	CĐ CNKT ĐK & TỰ ĐỘNG HOÁ 25 A, B, C
62	CĐ CNKT ÔTÔ 25 A, B, C, D, E, F, G, H

Hiệu chỉnh đăng ký môn học GĐ1 HKI

Hiệu chỉnh đăng ký môn học GĐ2 HKI

Đăng ký môn học HKII

Hiệu chỉnh đăng ký môn học GĐ1 HKII

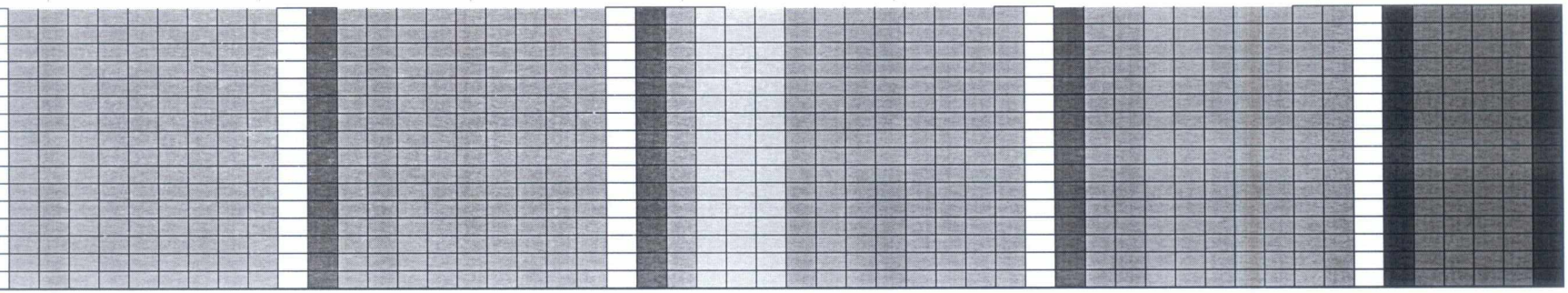
NGHỈ TẾT

Hiệu chỉnh đăng ký môn học GĐ2 HKII

Đăng ký, hiệu chỉnh môn học HK HÈ

Đăng ký môn học HKI 2027 - 2028

63	CĐ CNKT NHIỆT 25 A, B, C
64	CĐ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG 25 A, B
65	CĐ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM 25 A, B, C, D, E
66	CĐ TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH 25 A
67	CĐ CNKT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG 25 A
68	CĐ TIẾNG ANH 25 A, B, C
69	CĐ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN 25 A, B, C, D
70	CĐ QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG 25 A, B, C, D
71	CĐ THIẾT KẾ THỜI TRANG 25 A
72	CĐ LOGISTICS 25 A, B, C, D
73	CĐ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 25 A, B, C
74	CĐ KINH DOANH XNK 25 A, B, C
75	CĐ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP 25 A, B, C, D, E, F
76	CĐ KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐHKK 25 A, B
77	CĐ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 25 A, B, C
78	CĐ TIẾNG HÀN QUỐC 25 A



Lưu ý : - Thứ 4 ngày 03/09/2025 bắt đầu năm học 2025 - 2026
- Thứ 2 ngày 02/02/2026 bắt đầu học kỳ II năm học 2025 - 2026

LÝ THUYẾT & THỰC HÀNH | THI KẾT THÚC MÔN HỌC | NGHỈ TẾT | TTTN & ĐA/KLTN | DỰ TRỮ | HỌC KỲ HÈ

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025 – 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 561/QĐ-CĐCT, ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP Hồ Chí Minh)

- Thời điểm bắt đầu: Từ ngày 05 tháng 09 năm 2025
- Thời gian kết thúc năm học tháng 08 năm 2026
- Thời gian thi: Tháng 11/2025 và tháng 01,05,07/2026

A. KHÓA 49

I. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ (không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			**16**	**330**	**121**	**193**	**16**
1	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
2	224003 200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
3	229126	Tin học	3	75	15	57	3
4	227006	Cơ học ứng dụng	2	30	20	8	2
5	227063	Vật liệu học	2	45	15	28	2
6	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	45	15	28	2
7	227145	Thực tập nguội	2	60	20	38	2
8	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
Học kỳ 2: 22 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			**20**	**420**	**151**	**249**	**20**
9	222033	Toán ứng dụng A	3	45	13	29	3
10	224004 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
11	227026	Dung sai – Kỹ thuật đo	2	45	15	28	2
12	227137	Nguyên lý – Chi tiết máy	2	30	20	8	2
13	227130	Cơ sở Công nghệ Chế tạo máy	2	30	20	8	2
14	227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	45	15	28	2
15	227001	AutoCAD 2D	2	60	20	38	2
16	227172	Thực tập hàn	3	90	30	57	3
17	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (CK)	1	30	0	29	1
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn			**2**	**30**	**6**	**22**	**2**